

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành tài liệu hướng dẫn tạm thời về cấp, quản lý mã số vùng trồng

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Trồng trọt,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Tài liệu hướng dẫn tạm thời về cấp, quản lý mã số vùng trồng lĩnh vực trồng trọt.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Cục Trồng trọt để tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, sửa đổi, bổ sung.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Trồng trọt, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Lê Minh Hoan (để b/c);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, TT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Quốc Doanh

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN TẠM THỜI

Cấp, quản lý Mã số vùng trồng lĩnh vực trồng trọt

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-BNN-TT ngày ... tháng... năm 2022,
của Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

- Phạm vi áp dụng: Hướng dẫn này quy định các yêu cầu về cấp và quản lý mã số vùng trồng lĩnh vực trồng trọt.

- Đối tượng: Là các tổ chức, cá nhân thực hiện sản xuất trồng trọt tại địa phương.

2. Thuật ngữ và định nghĩa

2.1 Vùng trồng

Là một vùng sản xuất một hoặc nhiều loài cây trồng, có thể bao gồm một hoặc nhiều điểm sản xuất được kiểm soát chung bởi một tiêu chuẩn hoặc quy trình sản xuất cho mỗi loài cây trồng hoặc nhóm cây trồng.

2.2 Mã số vùng trồng

Là mã số định danh cho một vùng trồng nhằm theo dõi và kiểm soát tình hình sản xuất; kiểm soát chất lượng sản phẩm; truy xuất nguồn gốc sản phẩm cây trồng.

3. Nội dung

3.1. Các yêu cầu của vùng trồng

a) Quy mô tối thiểu:

- Cây trồng lâu năm: 01 ha.

- Cây hằng năm: 0.1 ha

b) Vùng trồng đáp ứng các điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm theo quy định của Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12.

c) Có đầy đủ thông tin theo mẫu số 01 Phụ lục 1 và cập nhật theo vụ/chu kỳ thu hoạch các thông tin về truy xuất nguồn gốc (Phụ lục 2), đối tượng cây trồng, tên giống cây trồng, diện tích, tiêu chuẩn (quy trình) áp dụng, sản lượng dự kiến, thời gian dự kiến thu hoạch, thị trường dự kiến tiêu thụ (vào đầu vụ/chu kỳ thu hoạch) và sản lượng chính thức khi kết thúc thu hoạch, sau khi đã được cấp mã số vùng trồng.

3.2. Mã số vùng trồng

Kết cấu của mã số vùng trồng như sau:

VN-Mã tỉnh/Tp.-Quận/huyện-Phường/xã -cơ sở sản xuất-Năm cấp

Mã tỉnh/Tp., quận/huyện, phường/xã sử dụng mã số các đơn vị hành chính theo quy định của Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ Về việc ban hành bảng Danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam và các văn bản cập nhật, bổ sung mã số của các đơn vị hành chính mới. Tỉnh/Tp., quận/huyện, phường/xã xác định theo địa chỉ vùng trồng của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp mã số.

Mã cơ sở sản xuất: Do các tỉnh/thành phố quy định thống nhất theo số thứ tự từ 01 đến hết.

Năm cấp: Lấy hai số cuối của năm cấp mã số vùng trồng

Ví dụ: VN-66-650-24370-94-21 (Việt Nam-Đắk Lắk: 66-Krông Năng: 650-Ea Tân: 24370-số cơ sở cấp: 94-năm cấp: 2021)

3.3. Thực hiện cấp/cấp lại, đình chỉ, hủy bỏ mã số vùng trồng

3.3.1. Cơ quan cấp, quản lý mã số vùng trồng của tỉnh/Tp.

Cơ quan thực hiện cấp, quản lý mã số vùng trồng là cơ quan được UBND tỉnh/Tp. giao nhiệm vụ cấp, quản lý mã số vùng trồng gọi tắt là Cơ quan cấp mã số vùng trồng.

3.3.2. Các bước cấp/cấp lại, đình chỉ, hủy bỏ mã số vùng trồng

a) Tổ chức/cá nhân (gọi tắt là cơ sở) gửi giấy đăng ký theo mẫu số 01 Phụ lục 1 đến Cơ quan cấp mã số vùng trồng.

b) Cơ quan cấp mã số vùng trồng thực hiện kiểm tra mức độ đáp ứng theo yêu cầu của mục 3.1 đối với các thông tin đã cung cấp theo mẫu số 01 Phụ lục 1.

- Không thực hiện kiểm tra thực tế đối với các trường hợp vùng trồng đã được cấp giấy đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định của Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 hoặc được chứng nhận một trong các tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt (GAP) trong trồng trọt như: VietGAP, 4C, Rainforest Alliance, GlobalG.A.P, ASIAGAP, ASEANGAP..., tiêu chuẩn hữu cơ, tiêu chuẩn sản xuất bền vững và đáp ứng yêu cầu của điểm a, c mục 3.1.

- Thực hiện kiểm tra thực tế tại vùng trồng đăng ký với các trường hợp còn lại: theo mẫu 02 Phụ lục 1, nội dung biên bản cần ghi rõ vùng trồng đã đáp ứng các yêu cầu của mục 3.1 chưa, trường hợp chưa đáp ứng cần nêu rõ tiêu chí chưa đáp ứng và đề nghị cơ sở khắc phục, trường hợp cần thiết có thể tiến hành kiểm tra thực địa đối với hành động khắc phục của cơ sở.

Có thể thực hiện việc cấp mã số vùng trồng trước và thực hiện hậu kiểm, thời gian hậu kiểm đối với trường hợp này không quá 6 tháng kể từ ngày cấp.

c) Cấp mã số vùng trồng

Vùng trồng đáp ứng các yêu cầu của mục 3.1 sẽ được cấp mã số theo quy định của mục 3.2 và mẫu số 03 Phụ lục 1.

d) Đình chỉ sử dụng, hủy bỏ mã số vùng trồng đã cấp

(i) Đình chỉ sử dụng mã số vùng trồng một trong các trường hợp sau:

- Không ghi chép, lưu trữ hồ sơ về truy xuất nguồn gốc theo quy định tại Phụ lục 2 và cập nhật thường xuyên các thông tin theo quy định tại điểm c mục 3.1.

- Không đáp ứng yêu cầu tại thời điểm giám sát định kỳ hoặc kiểm tra đột xuất; kết quả giám sát có một trong số các thông tin không đúng theo thông tin đã cung cấp tại mẫu số 01 Phụ lục 1.

Mã số vùng trồng sẽ được phục hồi khi cơ sở sản xuất có biện pháp khắc phục và được Cơ quan cấp mã số vùng trồng chấp nhận biện pháp khắc phục đó.

(ii) Hủy mã số vùng trồng một trong các trường hợp sau:

- Theo đề nghị của cơ sở về việc không sử dụng mã số vùng trồng đã được cấp.

- Cơ sở không có biện pháp khắc phục hiệu quả đối với các trường hợp bị đình chỉ sử dụng mã số nêu trên trong thời gian 30 ngày kể từ ngày bị đình chỉ.

- Vùng trồng đã được cấp mã số chuyển đổi loại cây trồng hoặc mục đích sử dụng so với đăng ký ban đầu hoặc khi hậu kiểm không đáp ứng các yêu cầu theo quy định đối với trường hợp phải kiểm tra thực tế tại vùng trồng đăng ký khi cấp mã số vùng trồng quy định tại điểm b mục 3.3.2.

- Sử dụng mã số vùng trồng đã được cấp cho các sản phẩm không thuộc đối tượng cây trồng đăng ký, không được sản xuất tại vùng trồng đăng ký.

4. Tổ chức thực hiện

Cơ quan được giao cấp mã số vùng trồng chủ trì tổ chức thực hiện cấp, quản lý mã số vùng trồng:

- Tổ chức hướng dẫn và xác định các đối tượng cây trồng ưu tiên cấp mã số vùng trồng theo điều kiện cụ thể của địa phương;

- Tổ chức triển khai cấp, quản lý mã số vùng trồng trên địa bàn theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu 06 tháng/lần (trước 30/6 và 31/12 hằng năm), cấp quyền truy cập cơ sở dữ liệu mã số vùng trồng chung của tỉnh/Tp. Tổ chức kiểm tra, giám sát và xử lý các cơ sở đã cấp mã số vùng trồng không đáp ứng các yêu cầu của khoản 3.1. Tần suất giám sát định kỳ không quá 12 tháng/lần tính từ ngày cấp mã số vùng trồng.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch và dự trù kinh phí để thực hiện cấp và quản lý mã số vùng trồng lĩnh vực trồng trọt.

- Báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục Trồng trọt) tình hình cấp, quản lý mã số vùng trồng trước 31/12 hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất.

5. Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cấp mã số vùng trồng

Các địa phương căn cứ vào hướng dẫn này chủ động triển khai việc cấp mã số vùng trồng trên địa bàn quản lý. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu để cấp và quản lý mã số vùng trồng của tỉnh/Tp. phải đảm bảo tích hợp được với cơ sở dữ liệu do Bộ Nông nghiệp và PTNT xây dựng để quản lý mã số vùng trồng trên phạm vi cả nước./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Phụ lục 1

Mẫu số 01

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày ... tháng năm

GIẤY ĐĂNG KÝ CẤP/CẤP LẠI MÃ SỐ VÙNG TRỒNG

Kính gửi: (Cơ quan cấp mã số vùng trồng tỉnh/Tp.)

1. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp mã số:.....
Người đại diện:.....
Địa chỉ của tổ chức/cá nhân:.....
Địa chỉ vùng trồng¹:
Mã số doanh nghiệp/số căn cước công dân²:.....
Điện thoại:Email:
2. Tổng diện tích của cơ sở (ha):
3. Diện tích canh tác (ha):
4. Lý do (đối với trường hợp cấp lại)³:.....
5. Thông tin về vùng trồng

TT	Vị trí, tọa độ các điểm sản xuất ⁴	Đối tượng cây trồng ⁵	Diện tích (ha)	Sản lượng dự kiến (tấn)	Hình thức canh tác ⁶	Tiêu chuẩn áp dụng ⁷	Thị trường dự kiến tiêu thụ
1							
2							
...							

6. Tài liệu kèm theo

¹ Ghi cụ thể đến ấp, thôn, xã, huyện của vùng trồng.

² Kèm theo bản chụp căn cước công dân/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

³ Trường hợp thay đổi thông tin về vùng trồng: ghi cụ thể thông tin thay đổi (thông tin đã cấp và thông tin thay đổi) đối với các thông tin có thay đổi trong mục 5.

⁴ Việc xác định vị trí, tọa độ các điểm sản xuất sẽ được hướng dẫn theo phần mềm cấp, quản lý mã số vùng trồng lĩnh vực trồng trọt do Bộ NN&PTNT xây dựng.

⁵ Ghi cụ thể cây trồng, giống cây trồng, cây trồng chính (có diện tích lớn nhất) đối với trường hợp vùng trồng có từ 2 cây trồng trở lên.

⁶ Canh tác ngoài trời/trồng trong nhà kính, nhà lưới/thủy canh

⁷ Ghi cụ thể các tiêu chuẩn đang áp dụng, ví dụ: VietGAP, GlobalG.A.P, PGS..., Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, Cam kết sản xuất nông sản an toàn theo quy định.

- Sơ đồ vùng trồng;
- Danh sách các hộ nông dân (đối với trường hợp vùng trồng có nhiều hộ), bao gồm các thông tin: đối tượng cây trồng, diện tích, sản lượng dự kiến đối với từng hộ;
- Bản sao giấy chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn đã áp dụng hoặc giấy chứng nhận cơ sở sản xuất đủ điều kiện đảm bảo ATTP/bản cam kết đảm bảo ATTP trong sản xuất hoặc Quy trình sản xuất của các doanh nghiệp liên kết sản xuất đáp ứng các yêu cầu về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định.

Đề nghị (tên cơ quan cấp mã số vùng trồng tỉnh/Tp.) cấp mã số vùng trồng cho cơ sở.

Tôi xin cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định về cấp mã số vùng trồng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai ở trên./.

CHỦ CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu nếu có)

BIÊN BẢN KIỂM TRA/GIÁM SÁT VÙNG TRỒNG

1. Người (Đoàn) kiểm tra/giám sát:
 - Chức vụ:
 - Chức vụ:
2. Đại diện cơ sở:.....
3. Tên cơ sở/doanh nghiệp:.....
4. Địa chỉ vùng trồng:
5. Nội dung kiểm tra/giám sát

TT	Nội dung kiểm tra/giám sát	Kết quả kiểm tra/giám sát	Ghi chú
1	Đối tượng cây trồng		
2	Diện tích		
3	Tiêu chuẩn/quy trình áp dụng		
4	Kiểm tra 9 nhóm chỉ tiêu (chỉ tiêu số 1 đến số 9) về điều kiện đảm bảo an toàn trong sản xuất theo hướng dẫn tại mục II, mẫu BB 1.1 Phụ lục II Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018		
5	Việc cập nhật thông tin theo yêu cầu của điểm c mục 3.1		

6. Các nội dung phải khắc phục:
.....
.....
.....
7. Kết luận:
.....
.....
.....
.....

Đại diện cơ sở/vùng trồng
(ký, ghi rõ họ tên)

Người kiểm tra/giám sát
(ký, ghi rõ họ tên)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN XÁC NHẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 03

Số:

Địa danh, ngày tháng năm

GIẤY XÁC NHẬN CẤP MÃ SỐ VÙNG TRỒNG
(Lần:, ngày... tháng ... năm)

Căn cứ Quyết định..... chức năng nhiệm vụ.....;

Căn cứ văn bản của UBND tỉnh/Tp.... giao thực hiện cấp mã số vùng trồng;

Căn cứ hướng dẫn cấp mã số vùng trồng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Thủ trưởng (Tên Cơ quan cấp mã số vùng trồng tỉnh/Tp.) xác nhận cấp mã số vùng trồng:

Họ, tên chủ/đại diện cơ sở: Năm sinh:

Số căn cước công dân/CMTND/hộ chiếu (đối với chủ cơ sở không phải là doanh nghiệp)..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:

Tên tổ chức (đối với cơ sở là doanh nghiệp): mã số doanh nghiệp..... Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/doanh nghiệp/hoạt động: Ngày cấp:...../...../.....; nơi cấp:.....

Địa chỉ của tổ chức/cá nhân:

Số điện thoại: Email:

Địa chỉ vùng trồng¹:

Mã số vùng trồng:

Thông tin về vùng trồng:

TT	Vị trí, tọa độ các điểm sản xuất ²	Đối tượng cây trồng	Diện tích (ha)	Sản lượng dự kiến (tấn/năm)	Tiêu chuẩn áp dụng ³
1					
2					
...					

Nơi nhận:

-
-

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Ký tên, đóng dấu)

Họ và tên

¹ Ghi cụ thể đến ấp, thôn, xã, huyện của vùng trồng.

² Ghi cụ thể vị trí, tọa độ các điểm sản xuất.

³ Ghi cụ thể các tiêu chuẩn đang áp dụng, ví dụ: VietGAP, GlobalG.A.P, PGS.... Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, Cam kết sản xuất nông sản an toàn theo quy định.

Phụ lục 2

Ghi chép, lưu trữ hồ sơ về truy xuất nguồn gốc

- Thông tin ghi chép gồm:

Thông tin về mua hoặc tự sản xuất vật tư đầu vào: Tên vật tư (đối với thuốc bảo vệ thực vật, tên có thể là tên hoạt chất hoặc tên thương mại), thời gian mua, số lượng, tên và địa chỉ mua vật tư, hạn sử dụng; Đối với trường hợp tự sản xuất: Nguyên liệu sản xuất (đối với phân bón, thuốc BVTV), phương pháp xử lý, hóa chất xử lý, người xử lý.

Thông tin về sử dụng phân bón, hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật: thời gian sử dụng, lượng sử dụng, thời gian cách ly (đối với thuốc bảo vệ thực vật);

Thông tin về thu hoạch và bán sản phẩm: tên sản phẩm (các loại sản phẩm của cây trồng); thời gian thu hoạch, khối lượng thu hoạch ứng với từng thời gian thu hoạch; thời gian bán, khối lượng bán theo từng thời gian bán; thông tin về người mua (nếu có) bao gồm: tên, địa chỉ, số điện thoại.

- Thời gian lưu trữ hồ sơ: Tối thiểu 12 tháng tính từ thời điểm thu hoạch cuối cùng.